

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01-02-2021

V/v “*tranh chấp ly hôn giữa*

Bà P và ông T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Tấn Lợi

2. Ông Trần Quốc Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 486/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phan Thị P**, sinh năm: 1972. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1965. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/10/2020 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị P trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T xác lập quan hệ vợ chồng hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 31/12/2003 tại UBND xã T, huyện C. Bà và ông T chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và do ông T quen người phụ nữ khác. Bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay nhưng không bên nào có thiện chí hàn gắn tình cảm. Nay, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1990 và Nguyễn Phan Anh T, sinh năm: 1992. Hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: không có.

Về nợ: không có.

Tòa án tiến hành lập thủ tục thông báo về việc thụ lý vụ án và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Phan Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Ông T có nơi cư trú tại ấp Bà T, xã T, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Phan Thị P và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2003 là hôn nhân hợp pháp. Theo bà P nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và do ông T quen người phụ nữ khác nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông T.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không đến Tòa án, chứng tỏ ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà P để vợ chồng đoàn tụ, bà P cương quyết ly hôn vì cho rằng vợ chồng đã ly thân, bà P không còn tình cảm với ông T và không có khả năng hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P và ông T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà P yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị P.

[2.2] Về nuôi con chung: Theo chứng cứ do bà P cung cấp, bà P và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1990 và Nguyễn Phan Anh T, sinh năm: 1992. Hiện các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Do ông T không có văn bản trình bày vấn đề này, bà P xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[2.4] Về án phí: Bà Phan Thị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị P và ông Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị P về việc “Ly hôn” với ông Nguyễn Văn T.

1. Về hôn nhân: Bà Phan Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Bà Phan Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0008980 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Đức.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đức;
- Chi cục THADS huyện Cần Đức;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung

